

Số: 26 /2009/QĐ-UBND

Đồng Xoài, ngày 29 tháng 6 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư
xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 412 /TT-SXD ngày 16 tháng 6 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 62/2007/QĐ-UBND ngày 04/12/2007 của UBND tỉnh ban hành quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Quyết định số 571/QĐ-UBND ngày 24/3/2008 của UBND tỉnh về việc sắp xếp các Ban quản lý dự án xây dựng trên địa bàn tỉnh, Quyết định số 60/2007/QĐ-UBND ngày 23/11/2007 của UBND tỉnh ban hành quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước, Quyết định số 26/2008/QĐ-UBND ngày 10/6/2008 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung Điều 12 của Quyết định số 60/2007/QĐ-UBND ngày 23/11/2007 của UBND tỉnh ban hành quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, ngành: Nội vụ, Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này sau 10 ngày, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VB - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, CVSX,KT, TT Công báo tỉnh;
- Lưu: VT(HH85).



Trương Tấn Chiêu

QUY ĐỊNH

**Về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình
trên địa bàn tỉnh Bình Phước
(Ban hành kèm theo Quyết định số 26 /2009/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 6 năm 2009 của UBND tỉnh)**

Chương I

**THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Điều 1. Lập và trình phê duyệt chủ trương đầu tư, dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư.

1. Khi đầu tư xây dựng công trình, chủ đầu tư khảo sát, đánh giá sơ bộ để xác định quy mô đầu tư để ước lượng chi phí đầu tư xây dựng, mua sắm thiết bị (nếu có) và lập dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư, sơ bộ tổng mức đầu tư.

2. Chủ đầu tư trình chủ trương đầu tư và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư lên người có thẩm quyền, đồng thời gửi cơ quan thẩm định là Sở Kế hoạch và Đầu tư (đối với cấp tỉnh) hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch (đối với huyện).

Điều 2. Phê duyệt chủ trương đầu tư và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư.

1. Chủ trương đầu tư của người có thẩm quyền được thể hiện dưới hình thức Quyết định, trong đó xác định sơ bộ quy mô đầu tư, sơ bộ tổng mức đầu tư và kèm theo dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư.

2. Chủ đầu tư chỉ được triển khai lập dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế – kỹ thuật xây dựng công trình (gọi chung là dự án) khi được người có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư.

Điều 3. Thời gian thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư.

1. Thời gian thẩm định chủ trương đầu tư và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2. Thời gian lập dự án tính từ ngày người có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư đến khi chủ đầu tư trình thẩm định hồ sơ dự án như sau:

a) Không quá 3 tháng đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 7 tỷ đồng.

b) Không quá 4 tháng đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 7 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng.

c) Không quá 6 tháng đối với dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên.

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về thời gian lập dự án. Quá thời hạn nêu trên mà chủ đầu tư không trình thẩm định dự án, người có thẩm quyền giao đơn vị khác thực hiện.

3. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức nghiệm thu hồ sơ, đảm bảo chất lượng hồ sơ dự án trước khi trình thẩm định.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng công trình.

1. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

Chủ tịch UBND các cấp quyết định đầu tư các dự án nhóm A, B, C trong phạm vi và khả năng cân đối ngân sách của địa phương sau khi thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp.

a) Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quyết định đầu tư các báo cáo kinh tế - kỹ thuật có tổng mức đầu tư không lớn hơn 03 tỷ đồng.

b) Đối với các dự án có sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp trên, Chủ tịch UBND tỉnh sẽ xem xét cụ thể từng dự án để ủy quyền cho Chủ tịch UBND huyện, thị xã (gọi tắt là cấp huyện), xã phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã) được quyết định đầu tư.

c) Chủ tịch UBND cấp huyện được ủy quyền hoặc phân cấp quyết định đầu tư cho cấp dưới trực tiếp đối với các dự án có tổng mức đầu tư không lớn hơn 01 tỷ đồng.

2. Các dự án sử dụng vốn khác, vốn hỗn hợp, chủ đầu tư tự quyết định đầu tư và chịu trách nhiệm, trừ trường hợp dự án có sự hỗ trợ vốn ngân sách từ 50% trở lên thì cấp quyết định hỗ trợ ngân sách xem xét và quyết định đầu tư.

Điều 5. Thẩm quyền thẩm định dự án đầu tư xây dựng công trình.

1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

a) UBND tỉnh tổ chức thẩm định dự án do mình quyết định đầu tư, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổ chức thẩm định dự án.

b) UBND cấp huyện tổ chức thẩm định dự án do mình quyết định đầu tư, giao Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện, thị xã là đầu mối tổ chức thẩm định dự án.

c) Đơn vị đầu mối thẩm định dự án có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ dự án và lấy ý kiến về thiết kế cơ sở của cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành và các cơ quan liên quan khác. Cơ quan tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở và các cơ quan liên quan có trách nhiệm gửi ý kiến tham gia về thiết kế cơ sở tới đơn vị đầu mối thẩm định dự án.

2. Đối với dự án sử dụng vốn khác thì người quyết định đầu tư tự tổ chức thẩm định dự án.

3. Thẩm quyền tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở:

a) Đối với dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A không phân biệt nguồn vốn, việc thẩm định thiết kế cơ sở được thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 6, điều 10 của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

b) Đối với các dự án nhóm B, C không phân biệt nguồn vốn, thẩm quyền tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở như sau:

- Sở Công Thương tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình hầm mỏ, dầu khí, nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, hoá chất, vật liệu nổ công nghiệp, chế tạo máy, luyện kim và các công trình công nghiệp chuyên ngành khác, trừ công trình công nghiệp vật liệu xây dựng.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thủy lợi, đê điều và các công trình nông nghiệp, cấp nước nông thôn, chuyên ngành khác.

- Sở Giao thông vận tải tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông.

- Sở Xây dựng tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp vật liệu xây dựng, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp và các dự án đầu tư xây dựng công trình khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu.

Đối với dự án bao gồm nhiều loại công trình khác nhau thì Sở chủ trì tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở là một trong các Sở nêu trên có chức năng quản lý loại công trình quyết định tính chất, mục tiêu của dự án.

c) Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị thuộc nhóm B, C, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, thẩm quyền tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở như sau:

- Sở Xây dựng tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị trên địa bàn tỉnh, bao gồm các công trình: Hè, đường đô thị, cấp nước, thoát nước, chiếu sáng, công viên, cây xanh, xử lý rác thải đô thị, nghĩa trang, bãi đỗ xe trong đô thị.

- Sở Giao thông vận tải tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở các công trình hạ tầng kỹ thuật gắn liền với đường giao thông ngoài đô thị trên địa bàn tỉnh, bao gồm: Hè, đường, cấp

nước, thoát nước, cây xanh. Tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở các công trình giao thông (phần đường) thuộc hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Sở Công Thương tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở các công trình cấp điện, điện chiếu sáng thuộc các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp; công trình cấp điện, điện chiếu sáng gắn liền với đường giao thông ngoài đô thị trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Lệ phí thẩm định dự án.

1. Đối với dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

Các cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khi tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở không thu lệ phí. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm tổ chức họp các ngành liên quan để xác định tỷ lệ về lệ phí thẩm định dự án cho các cơ quan tham gia thẩm định dự án.

2. Đối với dự án sử dụng vốn khác:

Các cơ quan quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khi thẩm định thiết kế cơ sở được trực tiếp thu lệ phí thẩm định thiết kế cơ sở theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 7. Thẩm quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.

1. Đối với các công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước:

a) UBND tỉnh phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật do mình quyết định đầu tư, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối tổ chức thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

b) UBND cấp huyện, cấp xã và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã (đã được UBND huyện ủy quyền quyết định đầu tư) phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật do mình quyết định đầu tư, giao Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thị xã và Ban Tài chính cấp xã (theo phân cấp) là đầu mối tổ chức thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư tự tổ chức thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật do mình quyết định đầu tư.

d) Tùy theo từng tính chất hồ sơ, đơn vị đầu mối có thể gửi hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật tới các đơn vị chuyên môn lấy ý kiến về các nội dung có liên quan để thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật (không bắt buộc).

e) Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán trong báo cáo kinh tế - kỹ thuật trước khi gửi hồ sơ cho đơn vị đầu mối thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

f) Sau khi báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được cấp thẩm quyền phê duyệt thì chủ đầu tư phải lập thủ tục xin phép xây dựng công trình trước khi tổ chức triển khai thủ tục đấu thầu hoặc chỉ định thầu.

2. Đối với công trình sử dụng nguồn vốn khác:

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật và chịu trách nhiệm về những nội dung phê duyệt của mình. Các nội dung quản lý Nhà nước về xây dựng sẽ được thực hiện thông qua việc cấp giấy phép xây dựng.

Điều 8. Thẩm định và phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán xây dựng công trình.

1. Đối với các công trình thuộc dạng lập dự án đầu tư.

Chủ đầu tư có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

a) Nếu có năng lực thì chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình.

b) Nếu không đủ năng lực thì chủ đầu tư thuê các đơn vị tư vấn có đủ tư cách pháp nhân để thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình.

c) Trong trường hợp xét thấy cần thiết thì chủ đầu tư có thể đề nghị các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành để thực hiện công việc thẩm tra, tùy theo điều kiện thực tế mà các sở có thể nhận hoặc từ chối thẩm tra như là một đơn vị tư vấn.

d) Trên cơ sở kết quả thẩm tra của các đơn vị nêu trên, chủ đầu tư tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình theo quy định.

e) Thiết kế bản vẽ thi công phải được chủ đầu tư hoặc đại diện được ủy quyền của chủ đầu tư xác nhận bằng chữ ký và đóng dấu đã phê duyệt vào bản vẽ trước khi đưa ra thi công. Chủ đầu tư có thể thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng kiểm tra thiết kế bản vẽ thi công và ký xác nhận trong bản vẽ trước khi phê duyệt.

2. Đối với các công trình thuộc dạng lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật

a) Chủ đầu tư có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- Nếu có năng lực thì chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình.

- Nếu không đủ năng lực thì chủ đầu tư thuê các đơn vị tư vấn có đủ tư cách pháp nhân để thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán xây dựng công trình.

- Trong trường hợp xét thấy cần thiết thì chủ đầu tư có thể đề nghị các sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Phòng Quản lý đô thị thị xã, Phòng Công Thương huyện để thực hiện công việc thẩm tra (Phòng Quản lý đô thị thị xã, Phòng Công Thương huyện chỉ thẩm tra các công trình do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã quyết định đầu tư và có tổng dự toán dưới 03 tỷ đồng), tùy theo điều kiện thực tế mà các sở, phòng có thể nhận hoặc từ chối thẩm tra như là một đơn vị tư vấn.

Trên cơ sở kết quả thẩm tra của các đơn vị nêu trên, chủ đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán và gửi kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán cho đơn vị đầu mối thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

b) Đối với các công trình có liên quan đến môi trường; phòng, chống cháy, nổ; an ninh, quốc phòng thì chủ đầu tư phải lấy ý kiến của các cơ quan quản lý về những lĩnh vực này trước khi thẩm định thiết kế bản vẽ thi công.

c) Thiết kế bản vẽ thi công phải được chủ đầu tư hoặc đại diện được ủy quyền của chủ đầu tư xác nhận bằng chữ ký và đóng dấu đã phê duyệt vào bản vẽ trước khi đưa ra thi công. Chủ đầu tư có thể thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng kiểm tra thiết kế bản vẽ thi công và ký xác nhận trong bản vẽ trước khi phê duyệt.

3. Các cơ quan chức năng thẩm tra được thu khoản chi phí thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán theo quy định hiện hành, và được tính vào tổng mức đầu tư, dự toán xây dựng công trình.

Chương II CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 9. Giấy phép xây dựng.

1. Trước khi khởi công xây dựng công trình, chủ đầu tư phải có Giấy phép xây dựng (viết tắt là GPXD); trừ những trường hợp xây dựng các công trình sau đây:

a) Công trình thuộc bí mật của Nhà nước, công trình xây dựng theo lệnh khẩn cấp, công trình tạm phục vụ thi công xây dựng công trình chính;

b) Công trình xây dựng theo tuyến không đi qua đô thị nhưng phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt;

c) Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, thủ trưởng cấp Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định đầu tư; trừ công trình chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

d) Công trình xây dựng thuộc dự án khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu nhà ở có quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

e) Các công trình sửa chữa, cải tạo, lắp đặt thiết bị bên trong không làm thay đổi kiến trúc, kết cấu chịu lực và an toàn của công trình;

f) Công trình hạ tầng kỹ thuật có tổng mức đầu tư dưới 07 tỷ đồng thuộc các xã vùng sâu, vùng xa không nằm trong các khu vực bảo tồn di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hoá;

g) Nhà ở riêng lẻ tại vùng sâu, vùng xa không thuộc đô thị, không thuộc điểm dân cư tập trung; nhà ở riêng lẻ tại các điểm dân cư nông thôn chưa có quy hoạch xây dựng được duyệt, không tiếp giáp với hành lang các trục giao thông quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và đường xã đã có quy định hành lang lộ giới.

2. Việc cấp phép xây dựng cho các công trình thuộc dự án đã có hồ sơ thiết kế cơ sở được thẩm định:

Đối với dự án đầu tư xây dựng gồm nhiều công trình thì chủ đầu tư có thể chọn lựa xin cấp GPXD cho một công trình, một lần cho nhiều công trình hoặc một lần cho tất cả các công trình thuộc dự án.

3. Quản lý xây dựng đối với các công trình được miễn giấy phép xây dựng.

Những công trình xây dựng thuộc đối tượng được miễn giấy phép xây dựng theo quy định tại điểm b, c, d, e khoản 1 Điều này, trước khi khởi công xây dựng chủ đầu tư phải gửi văn bản thông báo ngày khởi công kèm theo các bản vẽ mặt bằng xây dựng, mặt bằng móng, mặt đứng chính công trình cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng theo phân cấp và Ủy ban nhân dân cấp xã biết, để theo dõi và quản lý theo quy định. Đối với công trình phải lập dự án, chủ đầu tư phải gửi kết quả thẩm định thiết kế cơ sở cho cơ quan cấp GPXD để theo dõi, quản lý.

Điều 10. Điều kiện để cấp giấy phép xây dựng.

Việc cấp GPXD phải xem xét các điều kiện sau:

1. Khu vực trong đô thị:

a) Các loại công trình xây dựng phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Các loại công trình xây dựng không có mức độ ô nhiễm môi trường phù hợp với quy hoạch chung xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt gồm các khu chức năng: Khu dân cư, khu thương mại, dịch vụ có tiếp giáp với các trục đường theo quy hoạch chung, trục đường hiện trạng đã có quy định về chỉ số lộ giới của cấp có thẩm quyền;

c) Công trình thuộc dự án đầu tư nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền cấp phép đầu tư, phù hợp với quy hoạch chung (khu quy hoạch chức năng phù hợp với loại hình công trình đó) được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng;

d) Các công trình tôn giáo được xây dựng trong các khu dân cư theo quy hoạch chung đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương bằng văn bản cho phép xây dựng mới hoặc cải tạo sửa chữa nâng cấp;

e) Các công trình đầu tư xây dựng được sử dụng vốn từ quỹ đất trong đô thị đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương và có quyết định phê duyệt dự án đầu tư của cấp có thẩm quyền;

g) Bảo đảm hành lang bảo vệ các công trình giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng; các công trình di tích lịch sử, di tích văn hóa, thắng cảnh đã được Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch xếp hạng và các khu vực bảo vệ các công trình khác theo quy định của pháp luật;

h) Các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật được xây dựng trên các trục đường trong đô thị (như đã nêu ở điểm b khoản 1 Điều này);

i) Các công trình hành chính (trụ sở làm việc các cấp), công trình hạ tầng xã hội (bệnh viện, trường học, công trình văn hóa, TDTT, v.v...) phù hợp với quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng.

Các công trình xây dựng từ điểm b đến điểm i khoản 1 Điều này được cấp GPXD, khi không vi phạm hệ thống đường giao thông theo quy hoạch chung được duyệt và không nằm trong hành lang hay không vi phạm hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị theo quy định. Nếu tiếp giáp với các trục đường giao thông phải bảo đảm điều kiện đủ đất để xây dựng công trình có diện tích xây dựng tối thiểu không nhỏ hơn $40m^2$; có bề ngang xây dựng công trình (cạnh song song với trục đường) không nhỏ hơn 3,3m hoặc có bề sâu xây dựng công trình (cạnh vuông góc với trục đường) không nhỏ hơn 5m. Đối với các công trình xây dựng có diện tích nhỏ hơn $40m^2$ khuyến khích chủ công trình xây dựng hợp khối với các công trình liền kề khi xây dựng.

2. Khu vực trong các khu quy hoạch đã được xác định như:

Khu công nghiệp tập trung; khu cụm công nghiệp ven đô thị; khu công nghệ cao; khu chế xuất; khu kinh tế cửa khẩu; khu bảo tồn, di sản văn hóa; khu du lịch, nghỉ mát; khu quy hoạch theo chuyên ngành v.v...

a) Các loại công trình xây dựng phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Các loại công trình xây dựng phù hợp với quy hoạch chung (hoặc quy hoạch tổng thể) đã được phê duyệt của cấp có thẩm quyền, loại hình công trình xây dựng phù hợp với quy hoạch khu chức năng theo quy hoạch chung (hoặc quy hoạch tổng thể) đã được duyệt và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hoặc cho chủ trương thực hiện.

3. Khu vực ngoài đô thị:

a) Nhà ở riêng lẻ và một số công trình xây dựng phù hợp với quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

b) Các loại công trình xây dựng dọc hai bên tuyến quốc lộ, đường liên tỉnh (ĐT) phù hợp với quy hoạch chung xây dựng dọc tuyến đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có), phù hợp với quy hoạch ngành, quy hoạch xây dựng dọc tuyến quốc lộ, đường liên tỉnh (nếu có);

c) Các loại công trình xây dựng dọc hai bên tuyến quốc lộ, đường liên tỉnh (ĐT) chưa có hoặc không có quy hoạch chung xây dựng được duyệt;

d) Các công trình xây dựng trong trung tâm cụm xã, trung tâm xã, điểm dân cư tập trung, các công trình xây dựng dọc hai bên các trục đường giao thông liên huyện, liên xã, đường vào trung tâm xã;

e) Các công trình xây dựng nằm ven các khu quy hoạch xây dựng đã được quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Các khu vực nêu ở điểm d, e khoản 3 Điều này do UBND cấp huyện quy định để làm căn cứ quản lý xây dựng và cấp GPXD.

Điều 11. Thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng.

1. UBND tỉnh ủy quyền Giám đốc Sở Xây dựng cấp GPXD đối với các công trình xây dựng chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật thuộc vốn ngân sách Nhà nước do UBND tỉnh quyết định đầu tư, các công trình xây dựng của các doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước; các công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hoá, công trình tượng đài, tranh hoành tráng; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trừ các công trình xây dựng trong các khu công nghiệp và khu kinh tế đã được UBND tỉnh giao Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế quản lý.

2. UBND tỉnh ủy quyền Trường Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế thực hiện việc cấp GPXD các công trình mà theo quy định phải xin cấp GPXD, trong phạm vi ranh giới các khu công nghiệp, khu kinh tế đã có quy hoạch và giao Ban quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế quản lý.

3. UBND cấp huyện cấp GPXD các công trình chi lập báo cáo kinh tế kỹ thuật thuộc vốn ngân sách Nhà nước do UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư; công trình của các hộ kinh doanh, công trình xây dựng của hộ gia đình và nhà ở riêng lẻ thuộc địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các công trình quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 của Điều này.

4. UBND cấp xã cấp GPXD nhà ở riêng lẻ ở những điểm dân cư nông thôn đã có quy hoạch xây dựng được duyệt thuộc địa giới hành chính do mình quản lý.

Điều 12. Hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng nhà ở đô thị và công trình xây dựng.

1. Hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng nhà ở đô thị:

a) Đơn đề nghị cấp GPXD theo mẫu. Trường hợp xin cấp GPXD tạm có thời hạn thì chủ đầu tư phải có đơn cam kết tự phá dỡ công trình khi Nhà nước thực hiện giải phóng mặt bằng;

b) Chứng chỉ quy hoạch hoặc giấy thoả thuận địa điểm xây dựng (nếu có);

c) Bản sao có chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

d) Ba (03) bộ hồ sơ thiết kế công trình phải có kích cỡ, tỷ lệ, khung tên và được thể hiện theo các tiêu chuẩn xây dựng, bao gồm:

- Bản vẽ thiết kế thể hiện mặt bằng vị trí định vị công trình lên lô đất hoặc tuyến công trình có thể hiện ranh giới, lộ giới và chỉ giới xây dựng;

- Bản vẽ thiết kế thể hiện mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt điển hình chủ yếu của công trình;

- Sơ đồ hệ thống và điểm đấu nối kỹ thuật cấp điện, cấp nước, thoát nước;

- Mặt bằng móng công trình.

2. Hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng công trình:

a) Đối với công trình xây dựng thuộc vốn ngân sách nhà nước chi lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, chủ đầu tư nộp Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình trong đó có kết quả thẩm định thiết kế (hoặc kết quả thẩm tra) bản vẽ thi công và dự toán công trình kèm theo hồ sơ xin phép xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đối với công trình xây dựng thuộc các nguồn vốn khác: Nếu lập dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở, khi xin cấp GPXD chủ đầu tư phải nộp kết quả thẩm định thiết kế cơ sở kèm theo hồ sơ xin phép xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này. Đối với công trình xây dựng chi lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công thì khi xin cấp GPXD chủ đầu tư nộp kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công (hoặc kết quả thẩm tra) kèm theo hồ sơ xin phép xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Công trình xây dựng không phải là nhà ở ngoài những thành phần hồ sơ như nội dung tại khoản 1 Điều này, phải có thêm các văn bản liên quan:

a) Đối với các công trình là di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh đã được công nhận phải được giấy phép của Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch và phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ và sử dụng di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.

b) Đối với công trình công nghiệp, dịch vụ và công trình dân dụng khác phải có văn bản thẩm duyệt về điều kiện an toàn phòng cháy, chữa cháy; văn bản đánh giá tác động môi trường và văn bản của các cơ quan khác (nếu có) theo quy định.

4. Công trình tôn giáo:

Ngoài những thành phần hồ sơ như nội dung khoản 1 Điều này, phải tuân thủ Điều 30 Pháp lệnh Tín ngưỡng tôn giáo; Điều 28, 29 Nghị định số 22/2005/NĐ-CP ngày 01/3/2005 của Chính phủ về hướng dẫn một số điều của Pháp lệnh Tín ngưỡng tôn giáo. Đồng thời phải có chủ trương cho phép xây dựng hoặc sửa chữa công trình của UBND tỉnh.

5. Công trình tượng đài, tranh hoành tráng, quảng cáo:

Việc xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng phải có ý kiến của Sở Văn hoá – Thể thao và Du lịch trước khi xin phép xây dựng. Hồ sơ gồm có:

a) Hồ sơ đề nghị cấp GPXD tượng đài, tranh hoành tráng, thành phần hồ sơ như nội dung khoản 1 Điều này.

b) Hồ sơ đề nghị cấp GPXD các công trình quảng cáo do Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch chuyển đến Sở Xây dựng để thoả thuận, thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư liên tịch số 06/2007/TTLT/BVHTT-BYT-BNN-BXD ngày 28/02/2007 của liên Bộ: Văn hóa - Thể thao và Du lịch - Y tế - Nông nghiệp và PTNT - Xây dựng về hướng dẫn thủ tục cấp phép thực hiện quảng cáo một cửa liên thông.

6. Trường hợp sửa chữa, cải tạo công trình yêu cầu phải có GPXD, thì ngoài những tài liệu quy định ở trên hồ sơ xin cấp GPXD còn phải có:

a) Ảnh chụp khổ 9x12, có mặt chính công trình và các không gian liền kề đối với công trình xin cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng công trình hiện có;

b) Các bản vẽ hiện trạng thể hiện được mặt bằng, mặt cắt các tầng, mặt đứng công trình trước khi sửa chữa.

Điều 13. Hồ sơ xin cấp giấy phép xây dựng nhà ở nông thôn.

Hồ sơ xin cấp GPXD nhà ở nông thôn gồm:

1. Đơn đề nghị cấp GPXD theo mẫu;

2. Bản sao có chứng thực một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

3. Sơ đồ mặt bằng xây dựng công trình trên lô đất và các công trình liền kề do chủ nhà tự vẽ. Sơ đồ mặt bằng công trình phải thể hiện rõ các kích thước và diện tích chiếm đất của căn nhà, các công trình trên lô đất, khoảng cách đến các công trình xung quanh và các điểm đầu nối điện, thông tin liên lạc, cấp thoát nước với các công trình hạ tầng kỹ thuật công cộng bên ngoài (nếu có). Trên bản vẽ phải ghi rõ tên chủ nhà, địa chỉ nơi ở, địa điểm xây dựng và tên, địa chỉ người vẽ sơ đồ (nếu có).

Điều 14. Những công trình được áp dụng cấp GPXD tạm có thời hạn.

1. Khu vực trong đô thị và trong các khu quy hoạch đã được xác định:

Các công trình không thuộc loại công trình xây dựng được quy định tại khoản 1 Điều 11 hoặc không thuộc các loại công trình xây dựng được quy định tại khoản 2 Điều 11 (dù phù hợp hay không phù hợp với quy hoạch chung) trong các khu vực đã có quy hoạch chung xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố bao gồm:

a) Thuộc khu vực quy hoạch chung xây dựng được lập cho giai đoạn dài hạn nhưng chưa được lập quy hoạch chi tiết xây dựng.

b) Thuộc khu vực quy hoạch chung xây dựng được lập cho giai đoạn ngắn hạn, nhưng chưa được lập quy hoạch chi tiết xây dựng, hoặc khu vực đã có quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết nhưng đã có quyết định hủy bỏ không thực hiện quy hoạch chi tiết của cấp có thẩm quyền và các công trình không được cấp GPXD được quy định ở khoản 1, 2 Điều 11.

c) Thuộc khu vực quy hoạch chung xây dựng được lập cho giai đoạn ngắn hạn nhưng đã có chủ trương của cấp có thẩm quyền về lập quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt của cấp có thẩm quyền, được công bố nhưng chưa triển khai thực hiện.

2. Khu vực ngoài đô thị:

Các công trình không thuộc loại công trình xây dựng được quy định tại khoản 3 Điều 11 của Quy định này, bao gồm:

a) Các loại công trình xây dựng dọc tuyến quốc lộ, đường liên tỉnh không phù hợp hoặc vi phạm quy hoạch chung xây dựng dọc tuyến đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và công bố nhưng chưa lập quy hoạch xây dựng chi tiết.

b) Các loại công trình xây dựng không phù hợp hoặc vi phạm quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn, không phù hợp hoặc vi phạm quy hoạch xây dựng nêu ở điểm d, e khoản 3 Điều 11 thuộc giai đoạn dài hạn đã được phê duyệt và công bố nhưng chưa thực hiện và các công trình nêu ở khoản 3 Điều 11 nêu trên không được cấp GPXD.

c) Các công trình xây dựng không phù hợp hoặc vi phạm quy hoạch xây dựng (nêu ở điểm b khoản 2 Điều này) thuộc giai đoạn ngắn hạn đã được phê duyệt và công bố nhưng chưa thực hiện hoặc các công trình xây dựng nêu ở điểm a nêu trên đã có quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy hoạch chung được duyệt (quốc lộ, đường liên tỉnh) và công bố nhưng chưa triển khai thực hiện.

3. Thời hạn có hiệu lực của giấy phép xây dựng tạm và quy mô công trình được cấp GPXD tạm:

a) Thời hạn có hiệu lực của GPXD tạm đối với các công trình xây dựng nêu ở điểm a khoản 1, 2 Điều này, tối đa không quá 10 năm (120 tháng) và có thời hạn trước thời hạn thực hiện quy hoạch. Quy mô công trình được cấp GPXD tạm tối đa là 3 tầng.

b) Thời hạn có hiệu lực của GPXD tạm đối với các công trình xây dựng nêu ở điểm b khoản 1, 2 Điều này, tối đa không quá 5 năm (60 tháng) và có thời hạn trước thời hạn thực hiện quy hoạch. Quy mô công trình được cấp GPXD tạm tối đa là 2 tầng.

c) Thời hạn có hiệu lực của GPXD tạm đối với các công trình xây dựng nêu ở điểm c khoản 1, 2 Điều này, tối đa không quá 3 năm (36 tháng) và có thời hạn trước thời hạn thực hiện quy hoạch. Quy mô công trình xây dựng được cấp GPXD tạm là 1 tầng.

d) Thời hạn có hiệu lực của GPXD tạm được xác định theo thời hạn còn lại ngắn nhất theo quy định của mỗi điểm a, b, c của khoản 3 Điều này và tối thiểu không ít hơn 01 năm (12 tháng).

4. Điều kiện để cấp GPXD tạm:

a) Chủ đầu tư phải có một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Trường hợp bán sao thì phải được chứng thực theo quy định.

b) Đơn xin phép xây dựng tạm của chủ đầu tư phải có cam kết tự phá dỡ (hoặc tháo dỡ) công trình khi Nhà nước thực hiện giải phóng mặt bằng.

c) Không cấp GPXD tạm đối với những công trình sử dụng vốn ngân sách Nhà nước.

Chương III

HÌNH THỨC QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 15. Sắp xếp các Ban quản lý dự án.

1. Đối với cấp tỉnh:

a) Các Sở, ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban quản lý các khu công nghiệp và Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư được giao làm chủ đầu tư các dự án công trình xây dựng chuyên ngành và được thành lập Ban quản lý dự án trực thuộc chủ đầu tư. Ban quản lý dự án có tư cách pháp nhân, tài khoản riêng và con dấu riêng. Chủ đầu tư sử dụng Ban quản lý dự án để quản lý tất cả các dự án do các sở, ngành làm chủ đầu tư.

b) Các sở, ban, ngành còn lại của tỉnh được giao làm chủ đầu tư :

Đối với các dự án có tổng mức đầu tư từ 07 tỷ đồng trở lên: Chủ đầu tư không được phép thành lập Ban quản lý dự án, chủ đầu tư phải thuê tư vấn quản lý dự án để giúp chủ đầu tư quản lý dự án thông qua hợp đồng tư vấn quản lý dự án ký với từng chủ đầu tư.

c) Đối với dự án có quy mô nhỏ, đơn giản có tổng mức đầu tư dưới 7 tỷ đồng thì chủ đầu tư có thể không lập Ban quản lý dự án mà sử dụng bộ máy chuyên môn của mình để quản lý, điều hành dự án hoặc thuê người có chuyên môn, kinh nghiệm để giúp quản lý thực hiện dự án.

2. Đối với cấp huyện:

a) Các dự án thuộc vốn tỉnh, vốn TW do UBND tỉnh giao UBND cấp huyện làm chủ đầu tư thì UBND cấp huyện quyết định thành lập Ban quản lý dự án để giúp UBND cấp huyện thực hiện quản lý dự án. Ban quản lý dự án huyện, thị xã có tư cách pháp nhân, tài khoản riêng và con dấu riêng để thực hiện quản lý các dự án do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư, đồng thời thực hiện các nhiệm vụ tư vấn quản lý dự án khi được các chủ đầu tư ở cấp huyện, thị xã giao.

b) Các dự án do UBND cấp huyện giao cho cấp dưới trực tiếp làm chủ đầu tư thì chủ đầu tư xem xét quy mô dự án và năng lực chuyên môn của mình để lựa chọn hình thức quản lý dự án. Khuyến khích các chủ đầu tư ký hợp đồng với Ban quản lý dự án do UBND cấp huyện thành lập để quản lý dự án.

3. Đối với các dự án quan trọng và trong trường hợp đặc biệt, Chủ tịch UBND tỉnh thành lập ban quản lý dự án và giao ban quản lý dự án do mình thành lập làm chủ đầu tư. Ban quản lý dự án có tư cách pháp nhân, mở tài khoản riêng và con dấu riêng để thực hiện quản lý các dự án do UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư.

Điều 16. Yêu cầu về năng lực của Ban quản lý dự án.

Số lượng nhân sự tối thiểu của một Ban quản lý dự án là 05 người. Trước mắt chấp nhận bổ nhiệm những người có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp thuộc các chuyên ngành phù hợp vào các chức vụ Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng của Ban quản lý dự án, nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện những người được bổ nhiệm các chức vụ nêu trên phải có kinh nghiệm chuyên môn tối thiểu là 03 năm. Trong thời gian sau 04 - 05 năm thì các chức danh trên phải đảm bảo năng lực theo quy định tại Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Về thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình.

1. Trước ngày 02/4/2009, các dự án và báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được thẩm định nhưng chưa phê duyệt, các dự án và báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã được phê duyệt nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang thực hiện dở dang thì các thủ tục đã được thẩm định không phải thẩm định lại. Các bước tiếp theo thực hiện theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng và Quy định này.

2. Đối với dự án đã được phê duyệt trước ngày 02/4/2009, trong quá trình thực hiện dự án, trường hợp có sự điều chỉnh dự án làm thay đổi thiết kế cơ sở đã được thẩm định thì chủ đầu tư phải báo cáo người quyết định đầu tư quyết định. Đơn vị đầu mối thẩm định dự án gửi hồ sơ phần điều chỉnh dự án tới cơ quan quản lý Nhà nước để tham gia ý kiến về thiết kế cơ sở theo quy định của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ, Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng và Quy định này.

3. Các quy định về thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình tại Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư

xây dựng công trình khác với quy định của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ.

Điều 18. Về hình thức quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.

1. Giao Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định giải thể đối với các ban quản lý dự án trực thuộc các sở, ban, ngành và huyện, thị xã trước đây do UBND tỉnh quyết định thành lập. Chuyển bộ máy các Ban quản lý dự án trực thuộc các sở, ban ngành và huyện thị trước đây do UBND tỉnh quyết định thành lập giao cho các chủ đầu tư quản lý. Các chủ đầu tư căn cứ điều kiện năng lực theo quy định hiện hành có thể sử dụng bộ máy cũ để kiện toàn, củng cố và thành lập lại Ban quản lý dự án trực thuộc chủ đầu tư. Trong quá trình thực hiện việc giải thể và thành lập phải đảm bảo thông suốt tiến độ thực hiện dự án, không ảnh hưởng và làm gián đoạn tiến độ.

2. Đối với các dự án, công trình xây dựng dở dang hoặc chưa thanh quyết toán, Giám đốc Ban quản lý dự án có trách nhiệm bàn giao hồ sơ tài liệu, tài sản, tài chính, công nợ (nếu có) và con dấu của Ban về chủ đầu tư dự án trong tháng 06/2009.

3. Các Sở, ngành: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban quản lý Các khu công nghiệp; Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư; UBND huyện, thị xã được UBND tỉnh giao làm chủ đầu tư: Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và điều kiện năng lực theo quy định hiện hành và theo Quy định này để tiến hành sắp xếp, kiện toàn và thành lập lại các Ban quản lý dự án trực thuộc chủ đầu tư để giúp chủ đầu tư quản lý thực hiện dự án.

4. Các sở, ban, ngành còn lại của tỉnh, phòng, ban huyện, thị xã và UBND cấp xã được giao làm chủ đầu tư có trách nhiệm ký hợp đồng với các tổ chức tư vấn hoặc Ban quản lý dự án do các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ban quản lý các khu công nghiệp, Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư; UBND huyện, thị xã thành lập để giúp chủ đầu tư quản lý thực hiện dự án.

5. Giao Sở Xây dựng phối hợp với các sở, ngành chức năng kiểm tra định kỳ việc sắp xếp, kiện toàn và thành lập các Ban quản lý dự án trên địa bàn tỉnh theo quy định.

6. Giao UBND huyện, thị xã có trách nhiệm phổ biến hình thức quản lý dự án cho các chủ đầu tư, các phòng ban chức năng của huyện thị biết để tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, tổ chức gửi ý kiến về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Trương Tấn Chiếu